

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 14 - 7 - 2021  
V/v: “Không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Quốc Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trương Thị Ngọc Linh

Ông Trịnh Văn Đoan

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc “Không công nhận là vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1981;

Trú tại: Tổ 04, ấp Chà Là, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Ông Trần Công Th, sinh năm 1967;

Trú tại: Tổ 03, khu phố Tàu Ô, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn yêu cầu vắng mặt; bị đơn vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 03 năm 2021, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Trần Công Th sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn, nhưng bà H và ông Th có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia

đình, sau khi kết hôn thì bà H và ông Thsinh sống tại khu phố Tàu Ô, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, ngoài ra ông Th không lo lắng vợ con, cuộc sống chung không có hạnh phúc; mâu thuẫn kéo dài, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đến tháng 3/2020 bà H và ông Th sống ly thân, không ai quan tâm gì đến ai nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà H làm đơn xin yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với ông Trần Công Th.

Về con chung: Quá trình chung sống với nhau bà H và ông Th có 03 con chung Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày: 03/4/2004; Phạm Ngọc Minh T, sinh ngày: 15/01/2007 và Phạm Ngọc Minh Th, sinh ngày: 01/12/2014, từ khi bà H và ông Th sống ly thân thì các con do bà H trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 người con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H khai không có ;

Về nợ chung: Nguyên đơn khai không nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ.

Tại bản tự khai, trước khi mở phiên tòa bị đơn ông Trần Công Th trình bày:

Ông Th thống nhất với bà H trình bày về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung; nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi vã nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà Phạm Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày: 03/4/2004; Phạm Ngọc Minh T, sinh ngày: 15/01/2007 và Phạm Ngọc Minh Th, sinh ngày: 01/12/2014, khi ly hôn ông Th đồng ý giao 03 con chung cháu Tú, Tâm, Thiện cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ.

Do bà H, ông Th không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án tuyên không công nhận vợ chồng cho họ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của các đương sự và tranh tụng tại phiên tòa.

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án và trước khi mở phiên tòa các đương sự đều thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, bà H, ông Th chung sống với nhau từ năm 2004 mà không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình nên đề nghị áp dụng Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 2, chương I, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính Phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 để tuyên bố không công nhận bà Phạm Thị H và ông Phạm Công Th là vợ chồng.

Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giao 03 con chung Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày: 03/4/2004; Phạm Ngọc Minh T, sinh ngày: 15/01/2007 và Phạm Ngọc Minh Th, sinh ngày: 01/12/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Trần Công Th là vợ chồng, ông Th có nơi cư trú tại tổ 03, khu phố Tàu Ô, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa hôm nay bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Th được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào và khoản 02 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H và ông Thành.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H trình bày bà và ông Trần Công Th với nhau vào năm 2003 và không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống bà H và ông Th có nhiều mâu thuẫn, trong quá trình giải quyết vụ án trước khi

mở phiên tòa bà H và ông Th cũng xác nhận vợ chồng chung sống nhưng không đăng ký kết hôn nguyên nhân do bà H và ông Th bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/2020 đến nay, tình cảm giữa bà H và ông Th trầm trọng không thể chung sống hạnh phúc được nên ông Th và bà H yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng cho họ.

Hội đồng xét xử xét thấy : Bà H và ông Th sống chung với nhau từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đã vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình chung sống bà H và ông Th xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân thời gian dài.

Theo quy định tại Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 2, chương I, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính Phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 thì phải tuyên bố không công nhận bà Phạm Thị H và ông Trần Công Th là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày: 03/4/2004; Phạm Ngọc Minh T, sinh ngày: 15/01/2007 và Phạm Ngọc Minh Th, sinh ngày: 01/12/2014. Nay ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung và ông Th cũng đồng ý giao 03 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, nên cần ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H chưa yêu cầu nên chưa xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết không có nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 2, chương I, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính Phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Phạm Thị H và ông Trần Công Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự:

Giao 03 con chung tên Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày: 03/4/2004; Phạm Ngọc Minh T, sinh ngày: 15/01/2007 và Phạm Ngọc Minh Th, sinh ngày: 01/12/2014 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị H chưa yêu cầu nên Tòa án chưa xem xét, giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 023603 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Dương Quốc Thành**